

Bản án số: 08/2020/HS-ST
Ngày 01-7-2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Thanh Phong.
2. Ông Trần Thanh Răng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yến là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Liệt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Văn T1, sinh năm 1998, tại xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hoá 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B và bà Ngô Thị T2; chưa có vợ, con; anh chị em ruột có 02 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất 16 tuổi; tiền án không; tiền sự không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/3/2020 (bị cáo có mặt).

- Bị hại: Võ Văn K; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu vực B, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Văn T3; nơi cư trú: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Ông Lê Văn B (có mặt);

2. Bà Ngô Thị T2 (có mặt);

3. Bà Lê Thị H (có mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào Khoảng 16 giờ ngày 23/01/2020, bị cáo Lê Văn T1, sinh năm 1998, nơi cư trú ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng đang ở nhà thì nhận được điện thoại của cha ruột bị cáo là ông Lê Văn B cho bị cáo biết, mẹ của bị cáo là bà Ngô Thị T2 bị ông Võ Văn K chửi và đòi đánh, nghe xong bị cáo lấy cây dao (loại dao bằm) bỏ vào túi quần, khoảng 10 phút sau, bị cáo nhìn thấy ông K bơi xuống cập vào phần đất nhà ông Nguyễn Văn T3 thuộc ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Thấy vậy, bị cáo xuống xuống bơi qua tìm ông K, khi qua đến phần đất nhà ông T3, bị cáo nhìn thấy ông K đang cầm cây xà beng loại dùng để nhổ đinh, bị cáo đi đến chỗ ông K đang đứng, bị cáo lấy cây dao trong túi quần bằm phần lưỡi dao ra cầm trên tay, hai người cự cãi với nhau dẫn đến bị cáo dùng dao đâm ông K nhiều cái gây thương tích. Sau đó, ông K được mọi người đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện M và chuyển đến Bệnh viện đa khoa trung ương Cần Thơ điều trị từ ngày 23/01/2020 đến ngày 01/02/2020 thì xuất viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 64/TgT-PY ngày 02/3/2020 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng kết luận: Võ Văn K, sinh năm 1973; địa chỉ khu vực B, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- (1) Sẹo phần mềm có tóc che vùng trán trái, kích thước 2,5cm x 0,3cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 01% (một phần trăm).

- (2) Sẹo phần mềm vùng vai trái, kích thước 02cm x 0,4cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 02% (hai phần trăm).

- (3) Sẹo phần mềm xuôi bờ ngoài vai trái, kích thước 7,5cm x 0,4cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 02% (hai phần trăm).

- (4) Sẹo trung đòn trái gây tràn khí màng phổi, kích thước 03cm x 0,4cm và sẹo dẫn lưu màng phổi trái, kích thước 2,5cm x 1,2cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 07% (bảy phần trăm).

- (5) Sẹo phần mềm xuôi mặt ngoài 1/3 dưới cánh tay trái, kích thước 07cm x 0,4cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 02% (hai phần trăm).

- (6) Sẹo xuôi mặt trong 1/3 giữa cẳng tay trái, kích thước 6,5cm x 0,3cm. Chức năng gấp ngón I bị hạn chế. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 08% (tám phần trăm).

- (7) Sẹo phần mềm xuôi mặt ngoài cổ tay trái, kích thước 04cm x 01cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 02% (hai phần trăm).

- (8) Sẹo rách da xuôi mặt bên liên đốt gần – giữa ngón III tay trái, kích thước 2,5cm x 0,3cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01% (một phần trăm).

- (9) Sẹo phức tạp liên đốt giữa – xa ngón IV bàn tay phải, gãy cứng đốt xa. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 05% (năm phần trăm).

2. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tính theo Thông tư số: 22/2019/TT-BYT, ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế, hiện tại là: 27% (hai mươi bảy phần trăm).

3. Kết luận khác: Các tổn thương do vật sắc – nhọn gây nên.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an huyện Mỹ Tú đã thu giữ:

- Một cây dao bằm dài 23cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 10cm, bề ngang lưỡi 2,5cm, cán dao dài 13cm.

- Một cây xà beng bằng sắt ô môi loại dùng để nhổ đinh dài 78cm, vòng tròn 07cm, một đầu dùng để nhổ đinh dài 08cm, rộng 03cm, trên cây xà beng có ký hiệu dòng chữ HB-KOREA.

- Một nón kết nam màu xám, có in dòng chữ NY, trên nón phía bên trái có rách một lỗ.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị, tiền ngày công lao động của bị hại và người nuôi bệnh, tiền tàu xe tổng cộng 91.345.042 đồng. Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại với số tiền 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị hại Võ Văn K thống nhất với bản cáo trạng và đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật; yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự: Chi phí điều trị do bị thương tích 19.742.342 đồng; tiền xe vận chuyển cấp cứu, xuất viện đi về và tái khám hai lần tổng cộng 3.560.000 đồng; tiền ngày công lao động của bị hại 60 ngày x 300.000 đồng/ngày = 18.000.000 đồng; tiền công lao động của người nuôi bệnh 60 ngày x 200.000 đồng/ngày = 12.000.000 đồng; tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe và tiền tổn thất về tinh thần theo quy định của pháp luật do hội đồng xét xử xem xét. Riêng chi phí điều trị sau ngày xét xử 20.000.000 đồng thì bị hại không yêu cầu.

Tại bản cáo trạng số: 08/CT-VKSMT ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Lê Văn T1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội cố ý gây thương tích đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2

Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Về vật chứng của vụ án căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu và tiêu hủy: Một cây dao bấm dài 23cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 10cm, bề ngang lưỡi 2,5cm, cán dao dài 13cm; một nón kết nam màu xám, có in dòng chữ NY, trên nón phía bên trái có rách một lỗ. Đối với cây xà beng bằng sắt ô môi loại dùng để nhổ đinh dài 78cm, vòng tròn 07cm, một đầu dùng để nhổ đinh dài 08cm, rộng 03cm, trên cây xà beng có ký hiệu dòng chữ HB-KOREA, do bị hại lấy của ông T3 đánh bị cáo, ông T3 không biết và ông T3 có yêu cầu được nhận lại, xét thấy đây là tài sản hợp pháp của ông T3 nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho ông Nguyễn Văn T3.

Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo bồi thường cho bị hại chi phí điều trị theo toa vé, tiền xe cấp cứu, xuất viện về, tái khám, một khoản tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, tiền tổn thất về tinh thần theo quy định tại Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006)

Bị cáo không trình bày lời tự bào chữa.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết sai, xin giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn T3 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T3.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại đối với hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai

của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Vào Khoảng 16 giờ ngày 23/01/2020, bị cáo Lê Văn T1, sinh năm 1998, nơi cư trú ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng đang ở nhà thì nhận được điện thoại của cha ruột bị cáo là ông Lê Văn B cho bị cáo biết, mẹ của bị cáo là bà Ngô Thị T2 bị ông Võ Văn K chửi và đòi đánh, nghe xong bị cáo lấy cây dao (loại dao băm) bỏ vào túi quần, khoảng 10 phút sau, bị cáo nhìn thấy ông K bơi xuống cạp vào phần đất nhà ông Nguyễn Văn T3 thuộc ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Thấy vậy, bị cáo xuống xuống bơi qua tìm ông K, khi qua đến phần đất nhà ông 3, bị cáo nhìn thấy ông K đang cầm cây xà beng loại dùng để nhổ đinh, bị cáo đi đến chỗ ông K đang đứng, bị cáo lấy cây dao trong túi quần băm phần lưỡi dao ra cầm trên tay, hai người cự cãi với nhau dẫn đến bị cáo dùng dao đâm ông K nhiều cái gây thương tích. Sau đó, ông K được mọi người đưa đi cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện M và chuyển đến Bệnh viện đa khoa trung ương Cần Thơ điều trị từ ngày 23/01/2020 đến ngày 01/02/2020 thì xuất viện.

[4] Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 64/TgT-PY ngày 02/3/2020 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng kết luận: Võ Văn K, sinh năm 1973; địa chỉ khu vực B, phường T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang:

[4.1] 1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- (1) Sẹo phần mềm có tóc che vùng trán trái, kích thước 2,5cm x 0,3cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 01% (một phần trăm).

- (2) Sẹo phần mềm vùng vai trái, kích thước 02cm x 0,4cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 02% (hai phần trăm).

- (3) Sẹo phần mềm xuôi bờ ngoài vai trái, kích thước 7,5cm x 0,4cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 02% (hai phần trăm).

- (4) Sẹo trung đòn trái gây tràn khí màng phổi, kích thước 03cm x 0,4cm và sẹo dẫn lưu màng phổi trái, kích thước 2,5cm x 1,2cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 07% (bảy phần trăm).

- (5) Sẹo phần mềm xuôi mặt ngoài 1/3 dưới cánh tay trái, kích thước 07cm x 0,4cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 02% (hai phần trăm).

- (6) Sẹo xuôi mặt trong 1/3 giữa cẳng tay trái, kích thước 6,5cm x 0,3cm. Chức năng gấp ngón I bị hạn chế. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 08% (tám phần trăm).

- (7) Sẹo phần mềm xuôi mặt ngoài cổ tay trái, kích thước 04cm x 01cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 02% (hai phần trăm).

- (8) Sẹo rách da xuôi mặt bên liên đốt gần – giữa ngón III tay trái, kích thước 2,5cm x 0,3cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 01% (một phần trăm).

- (9) Sẹo phức tạp liên đốt giữa – xa ngón IV bàn tay phải, gãy cứng đốt xa. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 05% (năm phần trăm).

[4.2] 2. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tính theo Thông tư số: 22/2019/TT-BYT, ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế, hiện tại là: 27% (hai mươi bảy phần trăm).

[4.3] 3. Kết luận khác: Các tổn thương do vật sắc – nhọn gây nên.

[5] Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 134 Bộ luật Hình sự. Chỉ vì nghe cha của bị cáo điện thoại cho bị cáo, nói là mẹ của bị cáo bị bị hại chửi và đòi đánh, thì bị cáo lấy cây dao, loại dao bấm dài 23cm đi gặp bị hại dẫn đến hai bên cự cãi nhau, bị cáo dùng cây dao của mình đâm nhiều cái vào cơ thể bị hại gây nhiều thương tích, kết quả giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại tổng cộng là 27%. Bị cáo dùng cây dao, loại dao bấm dài 23cm gây thương tích cho bị hại, đây là hung khí nguy hiểm nên thuộc tình tiết định khung “Dùng hung khí nguy hiểm”, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[6] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được sức khỏe, thân thể của người khác là bất khả xâm phạm, mọi hành vi xâm hại, gây tổn hại đến sức khỏe, thân thể của người khác đều bị pháp luật trừng trị. Chỉ vì mâu thuẫn bằng lời nói giữa cha, mẹ của bị cáo với bị hại mà bị cáo đã dùng dao đâm nhiều cái trúng vào cơ thể của bị hại gây thương tích cho bị hại. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về cơ thể của người khác do pháp luật hình sự bảo vệ, đặc biệt là ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương. Vì vậy, cần thiết xử phạt tù thật nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo để bị cáo có thời gian học tập, cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật và phòng ngừa chung đối với mọi người là phải biết cách xử sự với nhau có chừng mực, phù hợp với quy tắc xử sự trong cuộc sống.

[7] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cho bị hại với số tiền 20.000.000 đồng, trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải; khi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị do bị thương tích 19.742.342 đồng; tiền xe vận chuyển cấp cứu, xuất viện đi về

và tái khám hai lần tổng cộng 3.560.000 đồng; tiền công lao động của bị hại 60 ngày x 300.000 đồng/ngày = 18.000.000 đồng; tiền công lao động của người nuôi bệnh 60 ngày x 200.000 đồng/ngày = 12.000.000 đồng; tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe và tiền tổn thất về tinh thần theo quy định của pháp luật và do Hội đồng xét xử quyết định.

[9.1] Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường chi phí điều trị thương tích cho bị hại 19.742.342 đồng; tiền xe vận chuyển cấp cứu, xuất viện đi về và tái khám hai lần tổng cộng 3.560.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Theo Điều 590 Bộ luật Dân sự quy định về thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm, thì *“Thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm bao gồm: Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại; thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút của người bị thiệt hại; nếu thu nhập thực tế của người bị thiệt hại không ổn định và không thể xác định được thì áp dụng mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại; chi phí hợp lý và phân thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị thiệt hại...”*. Đối với số tiền ngày công lao động, bị hại nằm viện điều trị từ ngày 23/01/2020 đến ngày 01/02/2020 thì xuất viện là 10 ngày, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại ngày công lao động là 20 ngày x 300.000 đồng/ngày = 6.000.000 đồng; ngày công của người nuôi bị hại là 10 ngày x 200.000 đồng/ngày = 2.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy, bị hại nằm viện điều trị 10 ngày, bị cáo chấp nhận bồi thường cho bị hại 20 ngày công lao động và người nuôi bị hại 10 ngày công lao động là thời gian bị hại nằm viện điều trị là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Sau khi xuất viện về, sức khỏe bị hại bị giảm sút nên cần phải bồi dưỡng để phục hồi sức khỏe, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một khoản tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe cho bị hại mỗi ngày 150.000 đồng x 30 ngày = 4.500.000 đồng là phù hợp với khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự.

[9.2] Đối với số tiền tổn thất về tinh thần, tại phiên tòa bị hại và bị cáo đề nghị Hội đồng xem xét mức hợp lý. Theo khoản 2 Điều 590 quy định *“Người chịu trách nhiệm bồi thường trong trường hợp sức khỏe của người khác bị xâm phạm phải bồi thường thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này và một khoản tiền khác để bù đắp tổn thất về tinh thần mà người đó gánh chịu. Mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì mức tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định”*. Hội đồng xét xử xét thấy, bị hại bị tổn thương cơ thể tổng cộng 27% nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận buộc bị cáo bồi thường một khoản tiền về tổn thất về tinh thần cho bị hại với mức 15 tháng lương cơ sở là phù hợp. Theo khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định về mức lương cơ sở: *“Từ ngày 01 tháng 7 năm 2019, mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng/tháng”*. Như vậy, số tiền bị cáo phải bồi thường về tổn thất tinh thần cho bị hại là 1.490.000 đồng x 15 tháng = 22.350.000 đồng.

[9.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho bị hại tổng cộng 58.152.342 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, khấu trừ số tiền bị

cáo đã khắc phục trước đã giao cho bị hại nhận 20.000.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 38.152.342 đồng (ba mươi tám triệu một trăm năm mươi hai nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng).

[10] Về xử lý vật chứng: Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú đã thu giữ vật chứng gồm: Một cây dao bấm dài 23cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 10cm, bề ngang lưỡi 2,5cm, cán dao dài 13cm; một cây xà beng bằng sắt ô môi loại dùng để nhổ đinh dài 78cm, vòng tròn 07cm, một đầu dùng để nhổ đinh dài 08cm, rộng 03cm, trên cây xà beng có ký hiệu dòng chữ HB-KOREA; Một nón kết nam màu xám, có in dòng chữ NY, trên nón phía bên trái có rách một lỗ. Các vật chứng nêu trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú đã chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 08/QĐ.VKSMT ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú và biên bản giao nhận vật chứng ngày 13 tháng 5 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú.

[11.1] Hội đồng xét xử xét thấy, đối với 01 cây dao bấm dài 23cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 10cm, bề ngang lưỡi 2,5cm, cán dao dài 13cm, đây là vật chứng của vụ án, bị cáo dùng để gây thương tích cho bị hại và 01 nón kết nam màu xám, có dòng chữ NY, trên nón phía bên trái có rách một lỗ, cái nón kết này của bị hại, bị hại không yêu cầu nhận lại, xét thấy cái nón kết trên không có giá trị. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy.

[11.2] Đối với 01 cây xà beng bằng sắt ô môi loại dùng để nhổ đinh dài 78cm, vòng tròn 07cm, một đầu dùng để nhổ đinh dài 08cm, rộng 03cm, trên cây xà beng có ký hiệu dòng chữ HB-KOREA, đây là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn T3, khi bị hại lấy, ông T3 không hay biết, ông T3 có yêu cầu được nhận lại cây xà beng nêu trên nên căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự, trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn T3 cây xà beng nêu trên là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[12] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23; khoản 4, khoản 9 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo là người bị kết án nên bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.907.617 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn T1 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 584 và Điều 590 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Lê Văn T1 bồi thường cho bị hại Võ Văn K: Chi phí điều trị thương tích với số tiền 19.742.342 đồng, tiền xe vận chuyển cấp cứu, xuất viện đi về và tái khám hai lần tổng cộng 3.560.000 đồng, số tiền ngày công lao động của bị hại bị thiệt hại 6.000.000 đồng, số tiền ngày công lao động của người nuôi bị hại bị thiệt hại 2.000.000 đồng, số tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe 4.500.000 đồng, số tiền tổn thất về tinh thần 22.350.000 đồng. Tổng cộng 58.152.342 đồng, khấu trừ số tiền bị cáo khắc phục trước đã giao cho bị hại nhận 20.000.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 38.152.342 đồng (ba mươi tám triệu một trăm năm mươi hai nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bị hại Võ Văn K có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị cáo còn phải trả lãi cho bị hại theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) cây dao bấm dài 23cm, lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 10cm, bề ngang lưỡi 2,5cm, cán dao dài 13cm và 01 (một) nón kết nam màu xám, có dòng chữ NY, trên nón phía bên trái có rách một lỗ; trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn T3: 01 (một) cây xà beng bằng sắt ô môi loại dùng để nhổ đinh dài 78cm, vòng tròn 07cm, một đầu dùng để nhổ đinh dài 08cm, rộng 03cm, trên cây xà beng có ký hiệu dòng chữ HB-KOREA theo Quyết định chuyển vật chứng số 08/QĐ.VKSMT ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú và biên bản giao nhận vật chứng ngày 13 tháng 5 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Tú với Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23; khoản 4, khoản 9 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.907.617 đồng (một triệu chín trăm lẻ bảy nghìn sáu trăm mười bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn

kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- CAND huyện Mỹ Tú (CQTHAHS, Đội điều tra);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn